



Summer 2005

Screen Test

To help optimally place students into classes at the Summer School.

#	Use of Test	Test Number										copies	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
1	Grade 1 – to move to 2	x	x										30
2	Grade 2 – to move to 3 or 1	x	x	x	x				x	x			110
3	Grade 3 – to move to 4 or 2	x	x	x	x	x	x	x	x	x			110
4	Grade 4 – to move to 5 or 3	x	x	x	x	x	x	x	x	x			40
5	Grade 5 – to move to 6 or 5	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		40
6	Grade 6 – to move to 5	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		20

Teacher's copy: contains answer keys and dictation phrases to be read aloud to students.

Note to Teacher/Examiner: Please read the instruction carefully. Some portion of the test requires the examiner to read aloud a certain part, while others require students to read by themselves. It is very important that these procedures be followed strictly.

Note to Grader: Please provide the raw score of each test. Do not provide a ranking or sum. Use the format below.

#	SCORE RECORD	Test Number										Total Score (Optional)	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
1	Grade 1 – to move to 2												
2	Grade 2 – to move to 3 or 1												
3	Grade 3 – to move to 4 or 2												
4	Grade 4 – to move to 5 or 3												
5	Grade 5 – to move to 6 or 5												
6	Grade 6 – to move to 5												

Examiner's Initial		Student's Name	
Grader's Initial		Student's ID number	
Grade	Class	Exam Date	

© VYEA 2005

Student's Full Name : _____

Test Pre-classification (Who takes which parts of the test)

The following guideline is proposed for the use of this test, as part of an overall placement process suggested herein. The table also summarizes the material for each test and its reference source.

The total score may be used as an overall indicator of the student’s aptitude relative to the total program at the school.

The approximate test time is the suggested time in minutes allotted to each test.

Test Area	Test ID	Grade 1	Grade 2	Grade 3	Grade 4	Grade 5	Grade 6
1. Vocabulary / Listening	1	15 min	8 min	5 min	5 min	5 min	5 min
	2		8 min	5 min	5 min	5 min	5 min
2. Vocabulary / Reading	3		8 min	5 min	5 min	5 min	5 min
	4		8 min	5 min	5 min	5 min	5 min
	5			5 min	5 min	5 min	5 min
3. Vocabulary / Sentences	6			5 min	5 min	5 min	5 min
	7			5 min	5 min	5 min	5 min
4. Dictation	8	15 min	8 min	5 min	5 min	5 min	5 min
	9		8 min	5 min	5 min	5 min	5 min
	10					5 min	5 min
Number of tests per grade		2	6	9	9	10	10
Test Time (minutes)		30 min	48 min	45 min	45 min	50 min	50 min

Student’s Full Name : _____

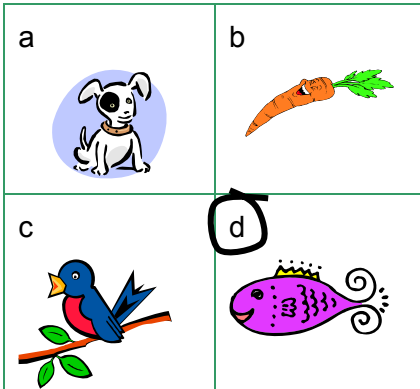
Area 1: Vocabulary/ Listening

Test 1 – Vocabulary / Listening

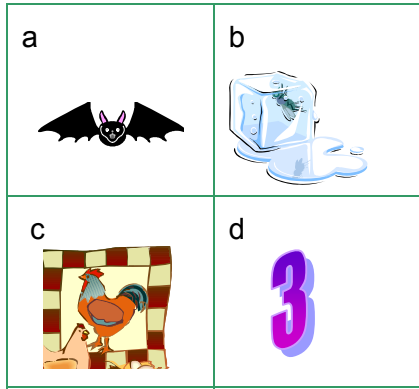
(1 point each)

Listen to the word read aloud by the examiner. Listen to the same word used in a sentence read aloud by the examiner. Then circle the letter (a, b, c or d) next to the illustration equivalent to that word

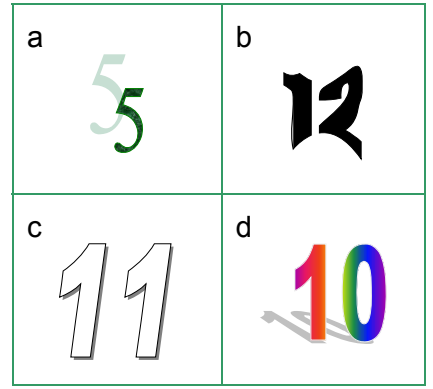
Question 1.1. (E.g. con cá) – Con cá ở dưới nước



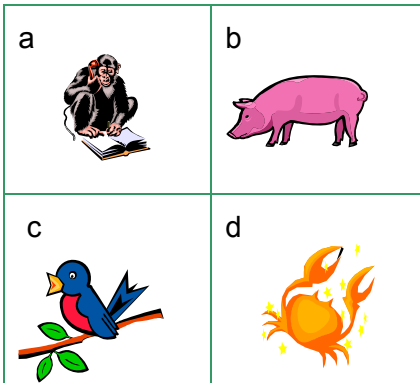
Question 1.4. (số ba) – Ông kia có ba ngón tay.



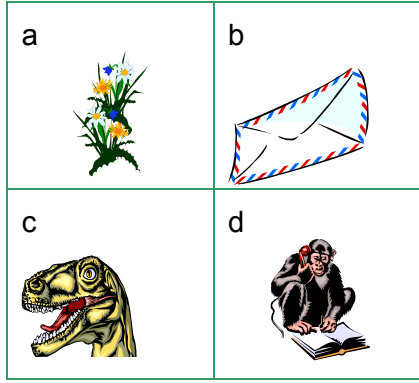
Question 1.7. (mười một) – Năm nay Jackie mười một tuổi.



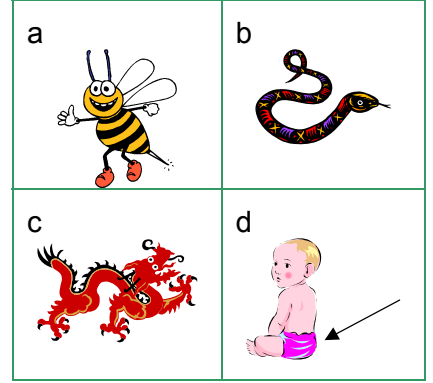
Question 1.2. (con heo) – Con heo mập và màu hồng



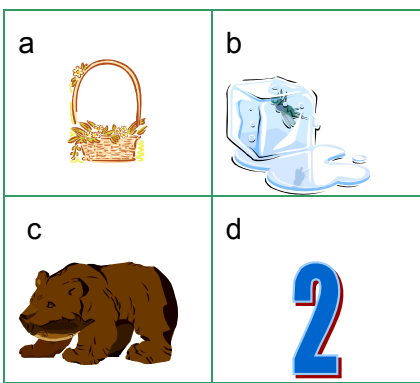
Question 1.5. (thơ) – Má nhận được thơ từ Việt Nam.



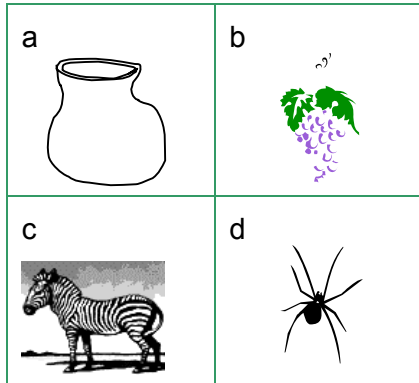
Question 1.8. (tã) – Em bé mặc tã màu trắng.



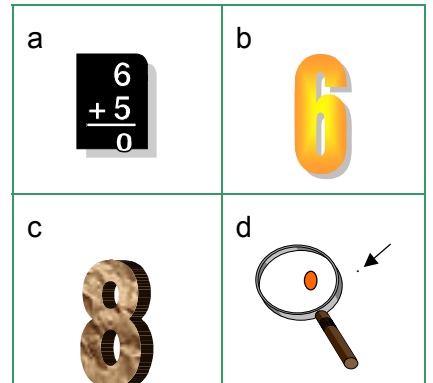
Question 1.3. (nước đá) – Không ai uống sữa với nước đá.



Question 1.6. (nhện) – Nhện nhỏ và đen.



Question 1.9. (nhỏ) – Cái chấm nhỏ quá không thấy được.



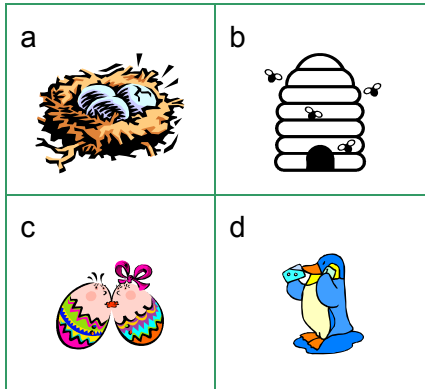
Student’s Full Name : _____

Test 2 – Vocabulary / Listening

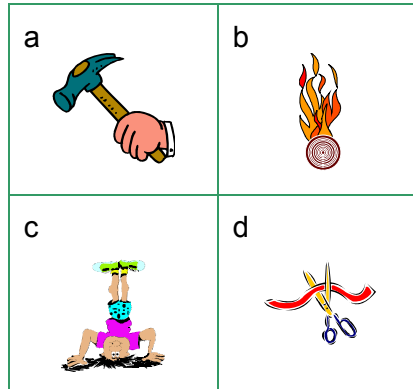
(1 point each)

Listen to the word read aloud by the examiner. Listen to the word used in a sentence read aloud by the examiner; this might help you guess what the word means. Then circle the letter (a, b, c or d) next to the illustration closest to the meaning of the word.

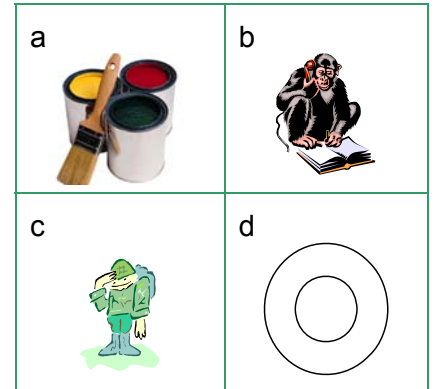
Question 2.1. (tổ ong) --
Tổ ong là nhà của ong.



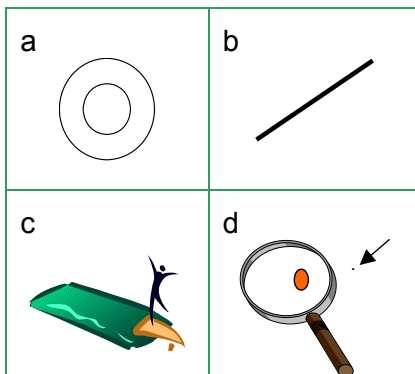
Question 2.4. (cắt) – Kéo
cắt miếng vải đồ



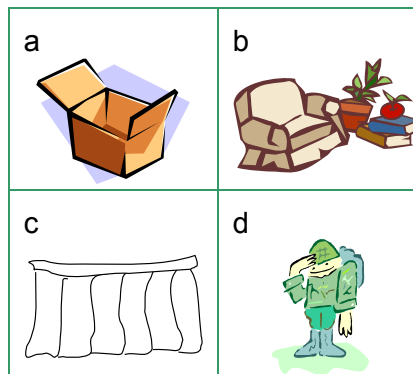
Question 2.7. (khì) – Con
khì ngồi đọc sách.



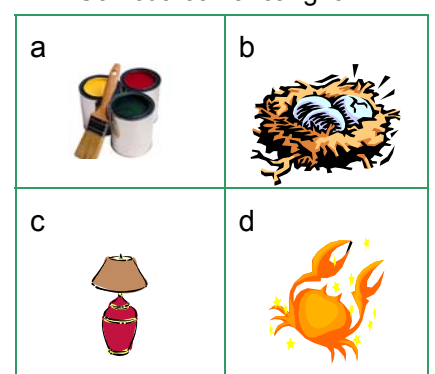
Question 2.2. (thẳng) –
Cây bút chì thì thẳng



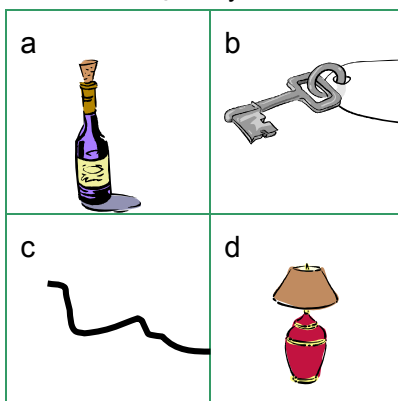
Question 2.5. (hộp) --
Trong hộp này không có gì hết



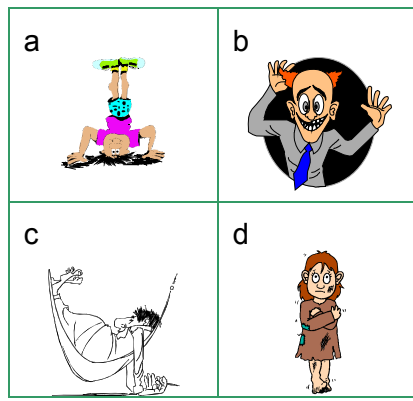
Question 2.8. (con cua) –
Con cua có hai càng lớn.



Question 2.3. (chai) –
Chai rượu này màu tím



Question 2.6. (ngủ) –
Ông kia nằm ngủ trong cái võng



Question 2.9. (tổ chim) --
Tổ chim có ba quả trứng

